

Số: 32/2018/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 20 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định hỗ trợ công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Hưng Yên quản lý thôi việc theo nguyện vọng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Bộ Luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 158/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Hưng Yên quản lý thôi việc theo nguyện vọng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 485/TTr-SNV ngày 17/8/2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Quy định về việc hỗ trợ công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Hưng Yên quản lý thôi việc theo nguyện vọng; cụ thể như sau:**

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã;

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện;

c) Các tổ chức hội có tính chất đặc thù được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số lượng người làm việc quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

d) Các tổ chức Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Công chức làm việc trong các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã;

b) Viên chức trong chỉ tiêu biên chế sự nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao và hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (theo phân loại đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực chuyên ngành);

c) Người làm việc trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số lượng người làm việc quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

d) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện và các tổ chức hội có tính chất đặc thù được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số lượng người làm việc quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

đ) Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế sự nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao tại các tổ chức Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

## 3. Đối tượng không áp dụng

a) Các đối tượng thuộc chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện được giao quyền tự chủ về tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;

c) Cán bộ quy định tại Khoản 1 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức; công chức, viên chức và người lao động còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật; công chức, viên chức chưa làm việc đủ thời gian đã cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được hưởng chính sách ưu đãi, khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng hoặc khi được hưởng chính sách ưu đãi, thu hút phát triển nguồn nhân lực của tỉnh; công chức, viên chức có trình độ tiến sỹ; viên chức chuyên môn y tế có trình độ đại học trở lên, chuyên ngành bác sỹ, dược sỹ;

d) Các trường hợp đang trong thời gian luân chuyển, biệt phái; đang bị xem xét kỷ luật; đang trong thời gian tạm giữ, tạm giam, điều tra; đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

#### 4. Điều kiện áp dụng

Trong quá trình các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này có nguyện vọng thôi việc và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

#### 5. Mức hỗ trợ

Đối tượng thôi việc theo nguyện vọng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này, ngoài việc được hưởng các chế độ thôi việc theo quy định của pháp luật hiện hành còn được tinh hỗ trợ một lần với mức hỗ trợ 500.000 đồng/01 tháng làm việc đã đóng bảo hiểm xã hội (kể cả thời gian làm việc ở tỉnh ngoài hoặc ở ngành, lĩnh vực khác, trước thời gian làm việc hiện tại ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý). Mức hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/người.

#### 6. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí đảm bảo thực hiện chính sách hỗ trợ các đối tượng thôi việc theo nguyện vọng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này được trích từ nguồn ngân sách của tỉnh;

b) Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với những người làm việc trong các tổ chức hội quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quyết định này được lấy từ nguồn kinh phí hoạt động của hội (bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số lượng người làm việc và nguồn thu hợp pháp khác của hội).

#### 7. Thời gian thực hiện

Các quy định tại Quyết định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2018.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước Hưng Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *ng*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- CV: HCTC<sup>Đúc</sup>;
- Lưu: VT, CVNC<sup>NH</sup>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Phóng**